

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-37

11028
C
K
VÀ T
V
YAMT
M.S.R.
★
O

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0102345275 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 08 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 10 lần cấp bổ sung các Giấy phép về thay đổi mã số doanh nghiệp, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập và công bố các thông tin về các chi nhánh của Công ty.

Địa chỉ: phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Ông Mai Lê Lợi	Thành viên
Ông Trương Văn Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Lê Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Giang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam theo Quyết định số 1066/QĐ-UBCK ngày 30/12/2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính

ST
ONG
TNI
KIEM
HAM
VIET
/LI
V.N.O.
C
C
VINAI
V
TONG

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số : 245/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam được lập ngày 20/02/2020 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

MGI
EST
12A

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



[Handwritten signature]

NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TRẦN THỊ CHÚC

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3278-2020-126-1

527
CÔNG TY TNHH
VINALINES LOGISTICS
VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.194.114.235	148.050.177.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	26.802.603.841	29.564.810.846
1. Tiền	111		26.802.603.841	29.564.810.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.923.681.409	110.828.232.585
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	80.676.476.708	78.447.784.343
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.815.561.935	1.038.978.257
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HỖXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	31.593.884.598	33.466.374.317
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(2.162.241.832)	(2.124.904.332)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.467.828.985	7.657.134.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	844.323.273	385.618.520
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.483.367.128	7.238.356.399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	140.138.584	33.159.454
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.912.900.158	122.437.208.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.000.000	800.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	740.000.000	800.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
II. Tài sản cố định	220		74.614.288.339	82.912.236.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	74.614.288.339	82.912.236.208
- Nguyên giá	222		128.589.197.048	128.607.433.142
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(53.974.908.709)	(45.695.196.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.490.671.406	31.234.367.770
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	31.490.671.406	31.234.367.770
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	11.432.820.000	6.032.820.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.432.820.000	6.032.820.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.635.120.413	1.457.784.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	2.635.120.413	1.457.784.901
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.107.014.393	270.487.386.683

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		103.402.152.075	96.530.649.373
I. Nợ ngắn hạn	310		103.402.152.075	94.080.214.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	41.703.605.875	40.304.899.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	19.973.120	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	379.330.371	2.139.064.406
4. Phải trả người lao động	314		85.813.200	2.232.413.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	118.831.187	170.067.981
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	9.076.711.264	11.537.396.456
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	50.801.848.357	37.386.498.364
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.216.038.701	309.874.401
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	2.450.434.795
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	2.450.434.795
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

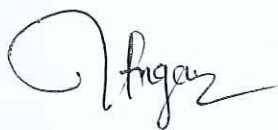
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.704.862.318	173.956.737.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	163.704.862.318	173.956.737.310
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
- Vốn góp khác	411c		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.693.185.321	16.833.009.959
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		97.500.000	128.760.989
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.292.876.997	15.373.666.362
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		2.292.876.997	15.373.666.362
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.107.014.393	270.487.386.683

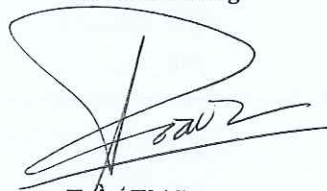
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng



Trần Thị Loan



Tổng Giám đốc

Mai Lê Lợi

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	919.873.081.169	1.892.993.957.589
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		919.873.081.169	1.892.993.957.589
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	910.475.601.185	1.876.963.057.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.397.479.984	16.030.899.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	930.771.806	1.588.393.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.439.744.703	2.646.296.990
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.226.634.112	3.841.735.419
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.692.609.220	5.825.053.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.195.897.867	9.147.942.290
11. Thu nhập khác	31		-	10.626.796.170
12. Chi phí khác	32		-	16.465.352
13. Lợi nhuận khác	40		-	10.610.330.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.195.897.867	19.758.273.108
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	903.020.870	4.384.606.746
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.292.876.997	15.373.666.362
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.16.6	135	902
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.16.6	135	902

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.195.897.867	19.758.273.108
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		10.834.179.840	866.658.801
+ Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	8.279.711.775	8.386.439.004
+ Các khoản dự phòng	03	37.337.500	(29.561.263)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(52.511.430)	(46.130.411)
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(656.992.117)	(11.285.823.948)
+ Chi phí lãi vay	06	3.226.634.112	3.841.735.419
<i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</i>	08	14.030.077.707	20.624.931.909
+ (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(317.797.053)	27.520.089.788
+ (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
+ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.080.171.918)	4.629.075.378
+ (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.636.040.265)	(555.065.263)
+ Tiền lãi vay đã trả	14	(3.175.998.448)	(3.898.800.407)
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.774.606.746)	(3.539.610.279)
+ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
+ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.034.925.289)	(1.744.257.304)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	10.537.988	43.036.363.822
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(256.303.636)	(559.611.760)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	574.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	660.603.228	10.711.823.948
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	404.299.592	10.726.212.188

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	132.580.230.964	112.682.081.163
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.615.315.766)	(129.776.780.543)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.188.497.450)	(10.427.975.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(3.223.582.252)</i>	<i>(27.522.674.380)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>(2.808.744.672)</i>	<i>26.239.901.630</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.564.810.846	3.330.257.473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	46.537.667	(5.348.257)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.802.603.841	29.564.810.846

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc

